TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2018/HS-ST
Ngày: 29- 11- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUỶ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Mẫu và bà Lê Thị Trà Giang.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Dương Đại Phong, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2018/HSST ngày 05/11/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Bùi Thành T (tên gọi khác: Bùi Văn C), sinh ngày 26/11/1985, tại xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện L, Quảng Bình; (ngoài ra bị cáo còn có ĐKHKTT và chổ ở khác với tên gọi Bùi Văn C ở Thôn B, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Thành H (đã chết) và bà Phan Thị K, sinh năm 1963; vợ Lê Thị G, sinh năm 1991 và 02 con lớn sinh 2010, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Bà Võ Thị S, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Bản C, xã K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Ông Nguyễn Minh L (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1981 (là con đẻ của ông Nguyễn Minh L).

Địa chỉ: Bản C, xã K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 03/12/2003, sau khi bàn bạc thống nhất, Mai Văn T ở M, Lê Xuân H ở X cùng với Bùi Thành T ở Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình đi bộ vào khu vực đồi thuộc xã K, huyện L để trộm cắp trâu đem bán, lúc này vì đông người nên Mai Văn T, Lê Xuân H, Bùi Thành T không thực hiện được và quay về. Trên đường về, đến đoạn thuộc địa phận thôn Kim Tiền, xã T giáp với đường Hồ Chí Minh nhánh đông, thì nhóm T phát hiện 05 con trâu (02 con trâu mẹ, 03 con trâu tơ) đang ăn cỏ ở đồi M thuộc xã T. Mai Văn T, Lê Xuân H, Bùi Thành T lừa trộm 05 con trâu đưa về dấu ở vườn bạch đàn của gia đình anh Trần Văn T ở Thôn K, xã T, huyện L. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T, H, T tiếp tục lừa 05 con trâu đó về theo đường mòn đồi A đến bến đò Đ, xã T để sang xã M. Do nước sông lớn nên T, H, T chỉ dắt được 02 con trâu tơ có dây mũi của gia đình ông Nguyễn Minh L và của gia đình bà Võ Thị S đưa về cột giữ ở trại vịt của anh Vũ T ở Q, xã M, huyện L, sau đó dắt về vườn nhà anh Nguyễn Văn B ở thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình giấu, tìm nơi tiêu thụ thì bị phát hiện và thu giữ. Còn 03 con trâu không có dây mũi nhóm của T bỏ lại tại bến đò Đ đã tìm đường về nhà.

Ngày 08/12/2003, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lệ Thuỷ định giá và kết luận: 02 con trâu mà các đối tượng Mai Văn T, Lê Xuân H, Bùi Thành T trộm cắp có giá trị 10.000.000 đồng.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 06/HSST ngày 10/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Bản cáo trạng số: 34/CT-VKSNDLT ngày 05/11/2018 của VKSND huyện Lệ Thủy đã truy tố bị cáo Bùi Thành T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 và hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Bùi Thành T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Tại phiên toà, bị hại Võ Thị S trình bày khi phạm tội bị cáo mới lớn, suy nghĩ còn nông cạn, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã gây ra lỗi lầm, mong được khoan hồng, tha thứ để làm ăn nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà bị cáo Bùi Thành T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định của Cơ quan Điều tra, Cơ quan Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

[3] Có đủ cơ sở kết luận vào ngày 03/12/2003 bị cáo T đã cùng với Mai Văn T, Lê Xuân H lợi dụng sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản là những con trâu không có người trông giữ, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp, chiếm đoạt tài sản trị giá 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bùi Thành T phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thuỷ và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Đối với Mai Văn T, Lê Xuân H tham gia trộm cắp tài sản cùng bị cáo đã được đưa ra xét xử tại Bản án số 06/HSST ngày 10/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình. Lê Xuân H đã chết, Mai Văn T đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương nên HĐXX không triệu tập.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS): Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999. Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản thiệt hại giá trị không lớn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn nhưng đã ra đầu thú vào ngày 27/8/2018 là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[6] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo Bùi Thành T cùng với H, T thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản của người khác nhưng không có bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, vì vậy, cần có mức án tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, hiện nay bị cáo cư trú tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe, phòng ngừa, thể hiện chính sách nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án số 06/HSST ngày 10/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Bùi Thành T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, tuyên bố bị cáo Bùi Thành T, tên gọi khác: Bùi Văn C phạm tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 và 5 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 và hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Bùi Thành T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng. Giao bị cáo Bùi Thành T, tên gọi khác: Bùi Văn C cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (29/11/2018) nếu bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách, thì Toà án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999.

2/ Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án, xử buộc bị cáo Bùi Thành T, tên gọi khác: Bùi Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3/ Bị cáo, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/11/2018); đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- VKSND huyện Lệ Thuỷ;
- Công an huyện Lệ Thuỷ (02 bản)
- Chi cục THADS huyện Lệ Thuỷ;
- UBND xã T, huyện Lệ Thuỷ;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sơn